TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26-7-2018

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Vương

2. Ông Lý Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau** *tham gia phiên toà:* Ông Hồ Tấn Pháp – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Ngọc A, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp HT, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Ánh L, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp HT, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 07/3/2018 cũng như tại phiên tòa, anh Trần Ngọc A trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Trần Ngọc A và chị Trần Thị Ánh L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 4 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Thời gian chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, Chị L không chung thủy, từ đó anh và chị L thường hay cự cãi, mâu thuẫn kéo dài nên anh A và Chị L đã ly thân từ ngày 15/7/2018 cho đến nay. Tại phiên tòa, anh A yêu cầu ly hôn với Chị L.

Về con chung: Anh A và Chị L có hai người con chung tên Trần Trọng K, sinh ngày 01/10/2009 (giới tính nam) và cháu Trần Trọng L, sinh ngày 19/12/2011 (giới tính nam), hiện con chung do anh A nuôi dạy. Khi ly hôn anh A yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cac con chung, không yêu cầu Chị L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện anh A và Chị L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh A yêu cầu ly hôn với Chị L. Do đó, áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho anh A và Chị L được ly hôn. Con chung tại phiên tòa anh A yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, xét thấy các cháu K và cháu L mỗi cháu đã trên 07 tuổi, tùy theo nguyện vọng của các cháu là muốn sống chung với cha hoặc mẹ, quá trình giải quyết vụ án cháu K và cháu L có nguyện vọng sống chung với anh A nên cần giao con chung cho anh A tiếp tục nuôi dạy là có cơ sở. Anh A không yêu cầu Chị L cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Tài sản chung, nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Trần Ngọc A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là chị Trần Thị Ánh L. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Chị L có hộ khẩu tại ấp Hữu Thời, xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tống đạt hợp lệ cho Chị L nhưng Chị L không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của anh A và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho Chị L nhưng Chị L vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Chị L theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Anh A và Chị L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 13/4/2011. Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa anh A cho rằng thời gian chung sống giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, Chị L không chung thủy với anh, vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, hôn nhân không hạnh phúc nên anh A yêu cầu ly hôn với Chị L. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa anh A và Chị L không đạt được, anh chị đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không đoàn tụ được. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để anh A và Chị L có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do chị L vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho anh Trần Ngọc A và chị Trần Thị Ánh L ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Anh A và Chị L có hai người con chung là cháu Trần Trọng K, sinh ngày 01/10/2009 (giới tính nam) và cháu Trần Trọng L, sinh ngày 19/12/2011 (giới tính nam). Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, anh A yêu cầu tiếp tục nuôi dạy các con chung. Xét thấy, cháu K, cháu L từ trước đến nay sống chung với anh A, quá trình giải quyết vụ án các cháu có nguyện vọng được sống chung với cha nếu hoán đổi

sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu. Hơn nữa, quá trình thụ lý, giải quyết Tòa án có thông báo cho Chị L biết về yêu cầu của anh A nhưng Chị L không có ý kiến. Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu Trần Trọng K, sinh ngày 01/10/2009 (giới tính nam) và cháu Trần Trọng L, sinh ngày 19/12/2011 (giới tính nam) cho anh A nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình.

Qua trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh A không yêu cầu Chị L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh A xác định thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu giải giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh A xác định không có nợ chung, vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Tại xác nhận ngày 07/3/2018 của Ủy ban nhân dân xã BBĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau và biên bản ghi lời trình bày của người làm chứng ngày 10/4/2018 đều xác nhận tính đến thời điểm hiện tại vợ chồng anh A và Chị L không bị ai thưa kiện về nợ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Ngọc A phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Anh Trần Ngọc A và chị Trần Thị Ánh L được ly hôn.

2.Về con chung: Giao cháu Trần Trọng K, sinh ngày 01/10/2009 (giới tính nam) và cháu Trần Trọng L, sinh ngày 19/12/2011 (giới tính nam) cho anh A tiếp tục nuôi dạy. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xét.

4.Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Ngọc A phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 08/3/2018 anh A có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0005324 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

5.Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Chị L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã BBĐ;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Khoa